**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN CHƯ PĂH**
TỈNH GIA LAI

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : 03/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30-01-2018
V/v tranh chấp ly hôn.

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH, TỈNH GIA LAI**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
**Thẩm phán -Chủ toạ phiên toà:** ***Ông Nguyễn Văn Bảo***
**Các Hội thẩm nhân dân**:
***1. Ông Trịnh Văn nguyên.***
***2. Bà Hoàng Thị Bình***
**Thư ký ghi biên bản phiên toà:** ***Ông Hà Văn Sáng*** - Thư ký Toà án**.**
***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Liệu*** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 /01/2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Chư Păh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình đã thụ lý số 81/2017/TLST-HNGĐ ngày 10/08/2017 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2017/QĐST-HNGĐ ngày 18/ 12/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81 /2018/QĐST – HNGĐ ngày 08/01/2018 giữa các đương sự:

-**Nguyên đơn**: ***Ông Lưu Văn T,*** sinh năm 1959. ( Có mặt)
Nơi đăng ký HKTT: Thôn Ia P, thị trấn Ia Ly, huyện Chư Păh, Gia Lai.
Địa chỉ hiện nay: Thôn Ry N, thị trấn Ia Ly, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.
- **Bị đơn***:* ***Bà Phạm Thị L***, sinh năm 1962 (vắng mặt tại phiên tòa).
Nơi đăng ký HKTT: Thôn Ia P, thị trấn Ia Ly, huyện Chư Păh, Gia Lai.
Địa chỉ hiện nay: Thôn Ry N, thị trấn Ia Ly, huyện Chư Păh , tỉnh Gia Lai.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong Đơn khởi kiện ngày 07/8/2017; tại bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên Toà, nguyên đơn ông Lưu Văn T trình bày*:

****Về hôn nhân:*** Ông T và bà L tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Thịnh, thị xã Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình vào ngày 08/09/1987. Sau đó, hai bên gia đình tổ chức lễ cưới. Do điều kiện công việc nên vào năm 1996, vợ chồng ông T, bà L chuyển vào sinh sống tại xã Ia Ly (nay là thị trấn Ia ly), huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai; ông T làm công nhân tại Công trình thủy

điện Ia Ly, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 1996, do nghi ngờ ông T ngoại tình với người khác nên bà L thường xuyên ghen tuông, chửi bới, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, từ năm 2009 đến nay ông T với bà L ở riêng nhau, phần ai tự lo, không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Những năm gần đây bà L phát sinh mê tín dị đoan, thường xuyên đi xem bói, cúng bái, bùa ngải triền miên gây tốn kém tiền bạc và tài sản của gia đình. Vì vậy, mâu thuẫn vợ chồng càng ngày càng trở nên trầm trọng. Chính quyền địa phương, tổ hòa giải cơ sở cũng đã nhiều lần khuyên can nhưng không thành, hai bên không thể hòa giải được với nhau. Do vì giữ thể diện cho con và lo cho con lập gia đình ổn định nên ông T chịu đựng giữ hôn nhân với bà L. Nay con đã lập gia đình riêng và có cuộc sống ổn định nên ông T thấy không còn tình cảm vợ chồng đối với bà L nữa yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà L.

***Về con chung:** Ông T, bà L có 2 con chung là: Lưu Tiến G, sinh năm 1987 và Lưu Tiến N, sinh năm 1990. Cả hai con chung đã thành niên đã lập gia đình riêng và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên ông T không yêu cầu giải quyết về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

***Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung:** Ông T tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu tòa án giải quyết.

**** Về án phí:** Ông T chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, ông T không yêu cầu gì thêm.

****Đối với Bị đơn: bà Phạm Thị L:** Sau khi thụ lý vụ án nói trên, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý và Giấy triệu tập để bà L đến làm việc tại Tòa án, bà L đã biết việc ông Lưu Văn T khởi kiện xin ly hôn đối với bà, song bà không nhận các Giấy tờ của Tòa án tống đạt, cũng không ký vào các văn bản tố tụng của Tòa án. Vào ngày 15/09/2017 bà đã gửi cho Tòa án "Bản kiến nghị" để trình bày về tình trạng hôn nhân giữa bà và ông T từ trước đến nay. Qua đơn của bà L cũng đã thể hiện mâu thuẫn giữa bà và ông T cũng đã trầm trầm trọng; mâu thuẫn giữa bà L và ông T cũng không thể hòa giải được với nhau, nhưng bà không chịu hợp tác với Tòa án để ghi bản tự khai và không tham gia tố tụng tại Tòa án để giải quyết vụ án, gây rất nhiều khó khăn cho Tòa án. Vì vậy, Tòa án phải thực hiện việc niêm yết công khai Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tại 3 nơi là nhà bà L, Trụ sở UBND thị trấn Ia Ly, Trụ sở Tòa án nhân dân huyện để tiến hành giải quyết vụ án nói trên theo quy định của pháp luật **.**

**Ý kiến, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh về quá trình giải quyết vụ án:**

I. VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TỐ TỤNG

1. Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

- Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Trong vụ án này, bị đơn có nơi cư trú tại thôn Ry Ninh, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện Chư Păh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

- Về quan hệ pháp luật: Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "*Tranh chấp về ly hôn"* là đúng quy định khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Xác định tư cách pháp lý người tham gia tố tụng trong vụ án: Tòa án nhân dân huyện Chư Păh xác định tư cách pháp lý của nguyên đơn – ông Lưu Văn T; bị đơn bà Phạm Thị L trong vụ án là đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS năm 2015.

- Toà án ban hành Thông báo thụ lý vụ án, gửi thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát và cho người tham gia tố tụng trong vụ án đúng quy định tại Điều 196 BLTTDS năm 2015.

+ Về thời hạn xét xử: Tòa án đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn luật định.

+ Trong vụ án này, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ (xác minh) nên thuộc trường hợp Viện Kiểm sát phải tham gia phiên tòa quy định tại khoản 2, Điều 21 BLTTDS năm 2015. Tòa án đã gửi hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng theo khoản 2 Điều 220 BLTTDS năm 2015.

+ Về việc tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng của Tòa án đúng theo quy định pháp luật

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

*2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật**.** Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Phạm Thị L để công bố chứng cứ, hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng bà L đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã niêm yết công khai các thủ tục và triệu tập bà L tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, nên xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

## II. Ý KIẾN VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

***Về hôn nhân:*** Ông T và bà L có đăng ký kết hôn tại phường Tân Thịnh, thị xã Hòa Bình, tỉnh Hà Sơn Bình (*nay là tỉnh Hòa bình*). Trong quá trình chung sống ông T bà L thường xuyên mâu thuẫn. Chính quyền địa phương, tổ hòa giải cơ sở cũng đã nhiều lần khuyên can nhưng không thành, hai bên không thể hòa giải được với nhau. Vì vậy, mâu thuẫn vợ chồng càng ngày càng trở nên trầm trọng, ông T

yêu cầu ly hôn đối với bà L là có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận cho ông Lưu Văn T được ly hôn với bà Phạm Thị L.

***-Về con chung, tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác:*** ông T không không yêu cầu nên không xem xét.

***- Về án phí:*** Buộc ông Lưu Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1] Về tố tụng:** Việc khởi kiện tranh chấp ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Chư Păh là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai được quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Phạm Thị L để công bố chứng cứ, hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng bà L đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã niêm yết công khai các thủ tục và triệu tập bà L tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, nên xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**[2] Về nội dung:**

****Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thấy rằng:*** Quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà L là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống ông T bà L thường xuyên mâu thuẫn do bà L nghi ngờ ông T ngoại tình với người phụ nữ khác. Từ năm 2009 đến nay ông T với bà L ở riêng nhau, phần ai tự lo, không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Những năm gần đây bà L phát sinh mê tín dị đoan, thường xuyên đi xem bói, cúng bái, bùa ngải triền miên gây tốn kém tiền bạc và tài sản của gia đình. Vì vậy, mâu thuẫn vợ chồng càng ngày càng trở nên trầm trọng. Chính quyền địa phương, tổ hòa giải cơ sở cũng đã nhiều lần khuyên can nhưng không thành, hai bên không thể chung sống được với nhau. Tòa án tiến hành xác minh trình trạng hôn nhân của ông T, bà L về thực tế đúng như trình bày của nguyên đơn. Tòa án đã tổ chức hòa giải nhưng bà L không hợp tác nên không hòa giải được. Như vậy, về tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà L mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài , ông T yêu cầu ly hôn đối với bà L theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình là có căn cứ nên được chấp nhận.

***[3] Về con chung:*** Ông T và bà L có 2 con chung là: Lưu Tiến G, sinh năm 1987 và Lưu Tiến N, sinh năm 1990. Cả hai con chung của ông T và bà L đã thành niên, lập gia đình riêng và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân, ông T không yêu cầu giải quyết về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng ông T không yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định của pháp luật.

***[4] Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung:*** ông T không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét

***[5] Về án phí:*** ông T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 267, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của UBTVQH14:

**Xử:**

**1.*Về hôn nhân:*** Ông Lưu Văn T được ly hôn với bà Phạm Thị L.

***2.Về con chung, tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác:*** ông T không yêu cầu nên không xem xét.

***3. Về án phí:*** Buộc ông Lưu Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0002559 ngày 10/08/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Păh. Ông T đã nộp đủ số tiền này.

- Bà Phạm Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

***Nơi nhận:***
- *TAND tỉnh Gia lai*;
-*VKS H.Chư Păh*
- *THA DS H.Chư Păh;*
- *Đương sự;*
-*UBND ph\ường Tân Thịnh, thị xã Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình;*
- *Lưu HS VTTA* .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Bảo**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**